

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81 /2017/HSST

Ngày: 06/ 10 / 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA -TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Khắc Hiếu – Chủ tịch Hội nông dân thành phố Tuy Hòa.

+ Bà Lê Thị Thanh Thuần – Cán bộ hưu trí.

* *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Mai Lê trúc Uyên – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tú Vương – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 06 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2017/HSST ngày 21/9/2017 đối với các bị cáo:

1- Trịnh Văn T – sinh năm 1998; Cư trú tại: Thôn E, xã Ea, huyện S, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa 12/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Trịnh Văn T – sinh năm 1971, bà Phạm Thị H – sinh năm 1975; Tiền án: Ngày 16/12/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 100/2016/HSST; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/12/2013, bị Công an xã Ea, huyện S xử phạt hành chính bằng hình thức: Cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

2- Lê Ngọc H (Tên gọi khác: M) – sinh năm 1998; Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; trình độ văn hóa 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Lê Ngọc H (Chết), bà Nguyễn Thị R – sinh năm 1970; Tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại; có mặt.

* *Người bị hại:*

1- Anh Nguyễn Minh H – sinh năm 1995; Nơi cư trú: Tổ L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

2- Anh Trương Hoàng M – sinh năm 1996; Nơi cư trú: Tổ 22 Khu vực 4, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; Vắng mặt.

3- Anh Hồ Thế H – sinh năm 1996; Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Anh Đỗ Thanh H – sinh năm 1962; Nơi cư trú: 107 đường Đ, phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

2- Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

NHÂN THẤY:

Các bị cáo Trịnh Văn T; Lê Ngọc H, bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ 00 ngày 13/4/2017, Trịnh Văn T đến phòng trọ của Lê Ngọc H ở tại phòng số 310 ký túc xá trường Đại học X thuộc phường 7, thành phố T để ngủ nhờ. Đến khoảng 10 giờ 00 ngày 13/4/2017, T thức dậy không thấy H nên ra khỏi phòng. Khi đi ngang qua phòng 311, T nhìn thấy có 01 máy tính xách tay và một số tài sản khác. T đi xuống quán nước trước cổng trường Đại học X thì gặp H và hỏi đã có tiền trả nợ chưa, H trả lời: “Chưa có và người ta sắp đến đòi tiền”. Nghe vậy, T rủ H đến phòng 311 để trộm cắp tài sản thì H đồng ý nhưng H bảo T chỉ lấy máy tính xách tay thôi, không lấy điện thoại di động và tài sản khác, T đồng ý và cùng H đi vào ký túc xá. Khi vào, T bảo H đứng ở cầu thang cảnh giới, còn T vào phòng 311 lấy tài sản, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumina 625, 01 quyển sách môn học Bê tông cốt thép và 150.000 đồng của anh Nguyễn Minh H; 01 điện thoại di động hiệu Q. Smart S32 và 200.000 đồng của anh Trương Hoàng M; 01 máy tính xách tay hiệu Dell Inprison N5110 core i5 cùng 01 dây sạc pin, 01túi xách đựng máy tính xách tay hiệu Samsonite và 01điện thoại di động hiệu Nokia Lumina 520 của anh Hồ Thế H. T mang toàn bộ số tài sản trộm cắp được về phòng 310 cất giấu và báo cho H biết đã lấy được tài sản. Sau đó, T và H vào phòng 310 mang máy tính xách tay vừa trộm được đến tại tiệm cầm đồ 07, địa chỉ: 107 đường Đ, phường 7, thành phố T thế chấp cho Đỗ Thanh H lấy 3.500.000 đồng đưa cho H trả nợ 2.200.000 đồng, số tiền còn lại và tiền trộm cắp được T giữ tiêu xài cá nhân và tiếp đến, T vứt quyển sách môn học Bê tông cốt thép vào sọt rác; bán 01 điện thoại di động hiệu Q. Smart S32 cho anh Nguyễn Văn T trú tại thôn N, xã H giá 50.000 đồng; còn điện thoại Nokia Lumina 625 và điện thoại Nokia Lumina 520 T để lại sử dụng. Đến ngày 24/4/2017, T nhận được tin nhắn xin chuộc lại máy tính xách tay nên ngày 26/4/2017, T cùng H đến điểm hẹn để lấy tiền chuộc thì bị Công an phát hiện và đưa cả hai về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 19/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Nokia Lumina 625 trị giá 400.000 đồng, điện thoại di động hiệu Q. Smart S32 trị giá 100.000 đồng, điện thoại di động hiệu Nokia Lumina 520 trị giá 500.000 đồng, máy tính xách tay hiệu Dell Inprison N5110 core i5 trị giá 4.500.000 đồng, túi xách đựng máy tính xách tay hiệu Samsonite trị giá 50.000 đồng, quyển sách môn học Bê tông cốt thép trị giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 5.650.000 đồng.

Tổng cộng số tiền và tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 6.000.000 đồng (Trong đó: T cùng H chiếm đoạt 4.550.000 đồng, gồm: Máy tính xách tay cùng dây sạc pin và túi xách; số còn lại là do T chiếm đoạt).

* Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu từ giai đoạn điều tra.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với Đỗ Thanh H và Nguyễn Văn T nhận thế chấp và mua tài sản của Trịnh Văn T và Lê Ngọc H nhưng không biết đó là tài sản do T, H trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố.

Tại bản Cáo trạng số: 77/CT-VKS ngày 20/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố, xin Hội Đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại anh Nguyễn Minh H, Trương Hoàng M, Hồ Thế H vắng mặt, nhưng có lời khai tại hồ sơ vụ án: Số tài sản bị mất, đã được nhận lại đầy đủ, đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đỗ Thanh H và Nguyễn Văn T vắng mặt, nhưng có lời khai tại hồ sơ vụ án: Chiếc máy tính xách tay hiệu Dell Inprison N5110 core i5 cùng 01 dây sạc pin, 01túi xách đựng máy tính xách tay hiệu Samsonite; điện thoại di động hiệu Q. Smart S32 nhận thế chấp và mua của Trịnh Văn T, Lê Ngọc H nhưng không biết đó là tài sản do T, H trộm cắp mà có, chúng tôi hoàn toàn không biết và đã được nhận lại đủ số tiền nên chúng tôi không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo tại bản cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 20/9/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự với các bị cáo T, H; Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự với bị cáo T; Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự với bị cáo H; để xử phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; Lê Ngọc H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo H cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục.

Về vật chứng vụ án: Đã được xử lý và trả lại cho chủ sở hữu từ giai đoạn điều tra, Hội đồng xét xử không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Xét lời nhận tội của các bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với bản kết luận định giá tài sản, với thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 10 giờ ngày 13/4/2017, tại ký túc xá trường Đại học X thuộc phường 7,

thành phố T, Trịnh Văn T cùng Lê Ngọc H bàn bạc, thống nhất đi trộm cắp máy tính xách tay bán lấy tiền tiêu xài; T đã vào phòng 311 lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumina 625, 01 quyển sách môn học Bê tông cốt thép và 150.000 đồng của anh Nguyễn Minh H; 01 điện thoại di động hiệu Q. Smart S32 và 200.000 đồng của anh Trương Hoàng M; 01 máy tính xách tay hiệu Dell Inprison N5110 core i5 cùng 01 dây sạc pin, 01 túi xách đựng máy tính xách tay hiệu Samsonite và 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumina 520 của anh Hồ Thế H, tổng trị giá 6.000.000 đồng (Trong đó: T cùng H chiếm đoạt 4.550.000 đồng, gồm: Máy tính xách tay cùng dây sạc pin và túi xách; số còn lại là do T chiếm đoạt). Nền hành vi của các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Ngọc H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Ngọc H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất đi trộm cắp tài sản của các anh Nguyễn Minh H, Trương Hoàng M, Hồ Thế H là những sinh viên của trường Đại học X thuộc phường 7, thành phố T, gây ảnh hưởng đến trật tự, trị an của xã hội, làm cho các sinh viên và quần chúng nhân dân bất bình; các giảng viên và sinh viên đang trú tại phòng ký túc xá trong trường Đại học X không yên tâm giảng dạy, học tập. Do đó, cần xử lý nghiêm các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, hậu quả mà các bị cáo gây ra, mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lên mức hình phạt, có xem xét đến quá trình nhân thân, thái độ khai báo sau khi phạm tội của mỗi bị cáo để quyết định mức hình phạt cho phù hợp với hành vi của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Trịnh Văn T đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản, nhưng không lo tích cực lao động, rèn luyện học tập để trở thành người tốt trong gia đình và xã hội mà lại tiếp tục chủ mưu, khởi xướng, bàn bạc, rủ rê, xúi giục Lê Ngọc H cùng đi trộm cắp tài sản. Trịnh Văn T có nhân thân xấu, đang chấp hành bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2016/HSST ngày 16/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản” nên lần phạm tội này là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm. Vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo T với vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi “trộm cắp tài sản” nên phải có mức án cao, tương xứng với hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Lê Ngọc H có hành vi thông nhất ý chí với T cùng trộm cắp tài sản, cảnh giới để T lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với vai trò là người giúp sức trong việc phạm tội và được hưởng lợi riêng trên giá trị tài sản chiếm đoạt với số tiền 2.200.000 đồng. Xét hành vi của bị cáo H rất tích cực, nên bị cáo H là đồng phạm và cũng phải có mức án tương xứng với hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra.

Theo đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Ngọc H với mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ là chưa đủ

sức giáo dục, răn đe đối với bị cáo H và phòng ngừa chung cho xã hội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả. Riêng bị cáo H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự với tất cả các bị cáo; Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự với bị cáo T; Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự với bị cáo H; xử giảm cho các bị cáo mức án và không cần cách ly bị cáo H ra khỏi xã hội cũng đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, an tâm học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xét.

Về Vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố Tuy Hoà đã xử lý từ giai đoạn điều tra, Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Ngọc H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự với tất cả các bị cáo; Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự với bị cáo T; Áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự với bị cáo H.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Bị cáo Lê Ngọc H 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Ngọc H cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú: Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 51, khoản 5 Điều 60 của Bộ luật hình sự với bị cáo T, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo tại bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2016/HSST, ngày 16/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên. Buộc bị cáo Trịnh Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xét.

Về Vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố Tuy Hoà đã xử lý từ giai đoạn điều tra, Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trịnh Văn T, Lê Ngọc H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Các bị cáo, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên
- VKSND thành phố T.
- Công an thành phố T.
- THADS thành phố T.
- Bị cáo; Các đương sự.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Chiu